

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-PT
Ngày 02 tháng 8 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyên;

Ông Đinh Huy Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nét, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh SƠN LA.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 42/2021/TLPT-HS ngày 02/7/2021 đối với bị cáo Hoàng Thị T, do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Hoàng Thị T; sinh ngày 01/6/1988 tại MC, SƠN LA; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn Nông Trường, huyện MC, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Bản Phiêng Ban 1, Thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Huyền và bà Hà Thị Tính; bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Đinh Thị T; sinh năm 1994; địa chỉ: Bản Phiêng Ban 1, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La (*không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 31/10/2020, Đinh Thị T, đến gội đầu tại quán của Hoàng Thị T ở Bản Phiêng Ban 1, thị trấn BY, khi đến T. cầm theo 01 chiếc ví màu nâu, bên trong ví có 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM (đều mang tên Đinh Thị T) và 01 giấy đăng ký xe máy, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS xe mô tô (đều mang tên Lò Văn Nhó) và số tiền mặt khoảng 3.000.000 đồng. Sau khi gội đầu xong, chị T. phát hiện chiếc ví bị mất, nên đã cùng T đi tìm nhưng không thấy.

Khoảng 10 ngày sau Hoàng Thị T nhặt được chứng minh nhân dân và thẻ ATM của T. tại vị trí cạnh biển quảng cáo trước quán của T. T cất giấu thẻ ATM và giấy chứng minh thư nhân dân của T. trong túi xách của mình và không nói cho T. biết.

Ngày 15/11/2020 T. đến quán của T gội đầu và nói cho T biết đã đi làm lại thẻ ATM và đặt mật khẩu sử dụng thẻ là ngày tháng năm sinh của T.. Sau khi nghe T. nói thì T nảy sinh ý định sẽ sử dụng thẻ ATM của T. để rút tiền chiếm đoạt tài sản. Do sợ T. nghi ngờ và phát hiện nên T không rút tiền ở cây ATM ở thị trấn BY mà đến đầu tháng 12/2020 T đi về nhà ở Tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn Nông Trường, huyện MC và đem theo chứng minh thư, thẻ ngân hàng đã nhặt được của T. để rút trộm tiền. Ngày 24/12/2020, T mượn xe máy của chị gái là Hoàng Thị Hà, trú tại tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn Nông Trường, huyện MC nói là để đi chợ, T đem theo thẻ ATM và giấy chứng minh thư nhân dân của T. ra cây ATM của Ngân hàng Agribank ở thị trấn Nông Trường, huyện MC và cắm thẻ ATM vào cây ATM, nhập mật khẩu là số ngày tháng năm sinh của T. ghi trong giấy chứng minh nhân dân (070194) thì rút được tiền. T đã thực hiện việc rút tiền 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được tổng số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Sau khi rút được tiền T đã đưa 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho cho em gái là Hoàng Thị P nhờ giữ hộ, còn lại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), T đã chi tiêu, ăn uống hết. Đối với thẻ ATM cùng chứng minh nhân dân của chị Đinh Thị T, T đã vứt tại bãi rác trước nhà T ở thị trấn Nông Trường, huyện MC.

Vật chứng thu giữ: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 445 ngày 02/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh SƠN LA kết luận số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) gửi giám định là tiền thật.

Đối với chị Hoàng Thị P là người được Hoàng Thị T nhờ cất giữ hộ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), T không nói cho Phương biết số tiền đó là do T thực hiện hành vi phạm tội mà có, do đó không có căn cứ đề xử lý đối với Hoàng Thị P.

Đối với số tài sản gồm 01 chiếc ví, 01 giấy đăng ký xe, 01 bảo hiểm TNDS xe mô tô và số tiền mặt khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), Đinh Thị T làm mất tại quán cắt tóc của Hoàng Thị T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

BY đã ra thông báo tìm kiếm và thực hiện các hoạt động điều tra nhưng không tìm thấy. Do vậy, không đề cập xử lý trong vụ án, khi nào thu thập được tài liệu, chúng cứ sẽ điều tra, xác minh làm rõ sau.

Đối với 01 thẻ ATM và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Đinh Thị T bị cáo khai đã vứt tại bãi rác trước nhà bị cáo ở thị trấn Nông Trường, huyện MC. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BY đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy. Chị Đinh Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ngày 05/3/2021, Hoàng Thị T đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho người bị hại chị Đinh Thị T, chị T. không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Ngày 02/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện BY đã tiến hành trả lại cho chị Đinh Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại cáo trạng số 10/CT-VKS- BY, ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BY đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 17/2021/HS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

T bố bị cáo Hoàng Thị T phạm Tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 31/5/2021, bị cáo Hoàng Thị T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Thị T hoàn toàn nhất trí về tội danh của bản án sơ thẩm đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Hoàng Thị T về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật; Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ; Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân của bị cáo - đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị T- sửa bản án sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY - Giữ nguyên mức hình phạt 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Hoàng Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Do biết được mật khẩu thẻ ATM của chị Đinh Thị T, bị cáo Hoàng Thị T đã giữ thẻ ATM và CMTND nhặt được của chị T. để rút lấy tiền trong tài khoản; Ngày 24/12/2020 T đã sử dụng thẻ ATM của chị T. đến cây ATM của Ngân hàng Agribank ở thị trấn nông trường huyện MC, tỉnh Sơn La nhập mật khẩu số ngày tháng năm sinh của chị T. theo giấy CMTND (070194) rút tiền 3 lần mỗi lần 5.000.000đ để chi tiêu - Như vậy, hành vi lén lút rút lấy 15.000.000đ trong tài khoản của ATM của chị Đinh Thị T của bị cáo Hoàng Thị T đã phạm tội Trộm cắp tài sản.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Thị T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Hoàng Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã chủ động bồi thường số tiền 5.000.000đ cho người bị hại, trả lại cho bị hại Đinh Thị T số tiền 10.000.000đ. Cấp sơ thẩm nhận định và đánh giá: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; là phụ nữ có thai; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự là có căn cứ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Bị cáo đi từ nơi tạm trú tại huyện BY đến nơi thường trú của bị cáo là huyện MC để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại (rút tiền tại cây ATM ở MC) là *“Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng”* là chưa có căn cứ chính xác - Vì quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không bị bất kỳ sự can ngăn, ngăn chặn của người khác hoặc có những cản trở khác trong quá trình thực hiện tội phạm - bản chất việc bị cáo đi từ BY đến huyện MC để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại (rút tiền tại cây ATM ở MC) là nhằm tránh sự phát hiện của bị hại. Do vậy, Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự như Tòa án sơ thẩm áp dụng.

Về mức hình phạt 09 (Chín) tháng tù bản án sơ thẩm đã T đối với bị cáo là phù hợp, đúng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo không vi phạm pháp luật, là nhân dân lao động có nơi cư trú rõ ràng - tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo nộp bổ sung sổ tạm trú số 530150471, đăng ký ngày 25 tháng 10 năm 2020, nơi tạm trú tại: Thị trấn BY, huyện BY, tỉnh SƠN LA; Tại đơn xin hưởng án treo của bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân thị trấn BY, huyện BY, tỉnh SƠN LA. Đặc biệt, cần xem xét hoàn cảnh hiện nay bị cáo đang có thai tháng thứ 8, có 01 con nhỏ 6 tuổi nên cần tạo điều kiện để bị cáo chăm sóc con nhỏ, đảm bảo quyền lợi trẻ em.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện có thể cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Xét việc cho bị cáo T hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương; do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, việc chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật, đảm bảo phòng ngừa tội phạm, phục vụ nhiệm

vụ chính trị tại địa phương; phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Từ những phân tích, nhận định trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị T, sửa bản án sơ thẩm: Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo Hoàng Thị T hưởng án treo.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị T, sửa bản án sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh SƠN LA như sau:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, b, n, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày T án phúc thẩm (ngày 02 tháng 8 năm 2021).

- Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2021).

Nơi nhận:

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện BY;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện BY;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Phòng KTNV& THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Quản Hữu Chiến

